

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT

MỤC LỤC

Trang

1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 - 47
8. Phụ lục	48 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301116791 (số cũ là 059080) ngày 01 tháng 11 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	1.000.000.000.000 VND
Số cổ phiếu	100.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá	10.000 VND/cổ phiếu

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại : (84-8) 38 236 236
Fax : (84-8) 38 235 236
E-mail : info@gemadept.com.vn
Mã số thuế : 0301116791

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội	Số 108 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 1, đường Cái Lân, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Quy Nhơn	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
- Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
- Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
- Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
- Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
- Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
- Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
- Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần của các đợt phát hành này là 802 tỷ VND.

Công ty đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hoán đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

Thực hiện theo Thư cam kết tăng vốn cổ phần ký kết ngày 26 tháng 6 năm 2010, Công ty cổ phần Gemadept đã mua 40.200.000 cổ phiếu mới, tương ứng USD 25,000,000 của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link. Hiện tại, Công ty cổ phần Gemadept đang ghi nhận khoản đầu tư này ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn theo Biên bản họp số 154/2010/BB-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2010 để có quyết định dứt khoát về khoản đầu tư này có lợi nhất cho cổ đông và tập đoàn trong vòng 12 tháng.

Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà tại số A2 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế cảng – kỹ thuật biển theo Hợp đồng mua bán nhà ở số 03150610/TCKT ngày 15 tháng 6 năm 2010. Lợi nhuận thu được từ nghiệp vụ này là 35.064.404.504 VND đã được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 47).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính	10.354.491.642 VND
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.354.491.642 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.567.186.626 VND
Cộng:	37.276.169.910 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

1020
CÔ
CH NH
IỂM
TU
1 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Nguyễn Viết Quảng	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

448-C
TY
HỮU H
ÁN VÀ
ÁN
Đ CHỈ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.



Ngày 29 tháng 4 năm 2011

HNH ★ HNH



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0517/2011/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2011, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

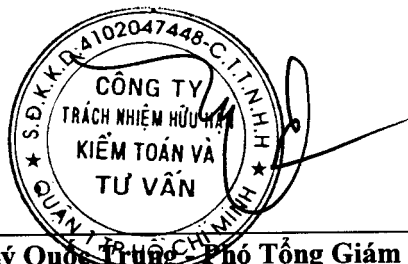
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gemadept tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Xeu

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.855.442.610.254	756.387.229.322
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	261.855.538.610	92.732.327.324
1. Tiền	111		93.268.741.558	92.732.327.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		168.586.797.052	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		782.752.507.716	138.622.560.256
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	857.998.023.712	170.519.121.505
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(75.245.515.996)	(31.896.561.249)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		658.722.296.318	425.945.946.057
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	279.714.658.775	288.625.438.099
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	87.232.620.572	4.964.760.644
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	292.604.076.293	133.184.806.636
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV. Hàng tồn kho	140		31.494.976.403	27.856.801.618
1. Hàng tồn kho	141	V.8	31.494.976.403	27.856.801.618
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.617.291.208	71.229.594.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	7.559.556.079	2.303.301.804
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		171.485.354	955.615.844
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	9.851.020.124	3.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	103.035.229.651	67.967.676.419

1020
CÔ
CH N
KIẾN
TI
17

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.911.294.385.724	2.170.738.320.850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	24.800.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	24.800.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		716.719.399.884	772.945.094.438
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	656.854.093.556	714.195.090.277
Nguyên giá	222		1.107.465.742.961	1.122.423.332.013
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(450.611.649.405)	(408.228.241.736)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	7.266.838.830	11.231.556.573
Nguyên giá	225		23.890.768.666	23.890.768.666
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.623.929.836)	(12.659.212.093)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	14.935.179.723	19.078.800.335
Nguyên giá	228		17.104.321.171	20.154.251.867
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.169.141.448)	(1.075.451.532)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	37.663.287.775	28.439.647.253
III. Bất động sản đầu tư	240	V.17	251.094.268.173	262.211.533.407
Nguyên giá	241		279.448.439.795	278.948.439.795
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(28.354.171.622)	(16.736.906.388)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.858.666.120.194	1.064.962.782.537
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.18	936.984.944.122	469.809.521.512
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.19	309.669.472.143	260.856.533.757
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.20	686.801.844.885	368.363.871.494
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.21	(74.790.140.956)	(34.067.144.226)
V. Tài sản dài hạn khác	260		47.814.597.473	45.818.910.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.22	8.922.750.353	7.352.471.254
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.387.027.094
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	38.891.847.120	37.079.412.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.766.736.995.978	2.927.125.550.172

74d.

G T

M HƯ

TOÁN

VÀ

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.256.398.181.305	840.757.633.849
I. Nợ ngắn hạn	310		750.668.286.436	605.999.994.920
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.24	320.247.600.198	204.618.868.697
2. Phải trả người bán	312	V.25	111.740.232.090	131.292.107.654
3. Người mua trả tiền trước	313	V.26	4.540.635.640	6.432.850.116
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.27	4.657.817.782	6.934.019.243
5. Phải trả người lao động	315	V.28	14.914.367.746	12.895.318.000
6. Chi phí phải trả	316	V.29	14.081.299.436	37.557.168.343
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.30	273.810.520.210	201.218.213.257
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	1.648.316.717
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.31	6.675.813.335	3.403.132.893
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		505.729.894.869	234.757.638.930
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.32	22.966.486.155	24.531.675.907
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.33	481.784.045.000	206.672.301.747
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.34	547.283.314	2.908.010.637
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.35	432.080.400	645.650.639
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.510.338.814.672	2.086.367.916.322
I. Vốn chủ sở hữu	410		3.510.338.814.672	2.086.367.916.322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.36	1.000.000.000.000	475.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.36	2.169.160.586.400	1.366.907.462.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.36	69.388.382.902	69.388.382.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.36	23.765.156.863	13.410.665.221
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.36	20.651.091.956	10.296.600.315
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.36	227.373.596.551	151.364.805.484
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.766.736.995.978	2.927.125.550.172

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
 HẠN VÀ
 HƯNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

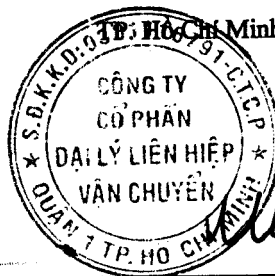
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		519.867.556	519.867.556
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		424.929,75	938.431,31
Euro (EUR)		297,27	70.776,24
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

HH
★
H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.448.925.671.222	1.339.631.761.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	1.061.818.182	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	1.447.863.853.040	1.339.631.761.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.317.288.372.448	1.234.001.142.792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		130.575.480.591	105.630.618.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	223.563.730.484	164.002.938.862
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	212.545.943.103	(16.554.774.375)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		73.562.775.097	36.004.119.659
8. Chi phí bán hàng	24		868.388.435	2.557.919.199
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	72.619.086.433	65.839.263.808
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.105.793.104	217.791.148.697
11. Thu nhập khác	31	VL.6	54.061.182.303	10.986.316.238
12. Chi phí khác	32	VL.7	7.150.539.080	10.342.677.171
13. Lợi nhuận khác	40		46.910.643.223	643.639.067
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115.016.436.327	218.434.787.764
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.27	2.705.175.579	9.823.971.387
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VL.8	(973.700.229)	1.520.983.543
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>113.284.960.977</u>	<u>207.089.832.834</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>-</u>	<u>-</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011




Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115.016.436.327	218.434.787.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.13;V.14;V.15;V.17	91.929.598.196	100.033.089.552
- Các khoản dự phòng	03	V.3;V.21	84.071.951.477	(191.813.851.890)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(1.622.626.576)	(9.625.514.578)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;VI.4;VI.6;VI.7	(207.141.269.884)	(3.819.858.356)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	73.562.775.097	36.004.119.659
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		155.816.864.638	149.212.772.151
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(218.035.521.061)	133.525.306.320
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.638.174.785)	(10.213.185.013)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		43.755.221.976	(38.109.102.084)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.826.533.374)	16.875.379.023
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.30;VI.4	(67.990.110.263)	(37.668.515.168)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.28	(13.322.558.828)	(180.699.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		124.265.106.682	61.409.593.004
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(164.622.262.475)	(64.002.637.774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(150.597.967.489)	210.848.910.501
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13;V.15;V.16;VII	(38.242.199.581)	(159.830.022.549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6; VII	8.710.904.268	6.485.019.602
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(274.786.391.123)	(2.800.476.881)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.866.626.298	2.248.060.386
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(867.103.214.048)	(753.277.170.657)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1.913.512.142	538.341.776.457
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3; VII	149.886.298.515	114.503.469.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(999.754.463.529)	(254.329.344.109)

020
CÔN
CH NH
KIỂM
TU
1 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

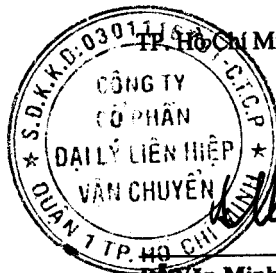
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.36	1.327.253.124.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.24;V.33;VII	984.492.008.257	509.498.543.131
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.24;V.33;VII	(984.833.255.677)	(381.044.735.540)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.24;V.33;VII	(5.999.703.133)	(5.684.018.216)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.36	(1.000.000.000)	(82.612.796.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.319.912.173.447	40.156.992.475
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		169.559.742.429	(3.323.441.132)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	92.732.327.324	95.158.324.826
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(436.531.143)	897.443.630
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	261.855.538.610	92.732.327.324

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

744
G T
EM H
HOÁP
V A
H O

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không. Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 334 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 351 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ VND và thặng dư vốn cổ phần của các đợt phát hành này là 802 tỷ VND.

Công ty đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hoán đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

C.T.
HẠN
VÀ
H.W.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thực hiện theo Thư cam kết tăng vốn cổ phần ký kết ngày 26 tháng 6 năm 2010, Công ty cổ phần Gemadept đã mua 40.200.000 cổ phiếu mới, tương ứng USD 25,000,000 của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link. Hiện tại, Công ty cổ phần Gemadept đang ghi nhận khoản đầu tư này ở chỉ tiêu Đầu tư tài chính ngắn hạn theo Biên bản họp số 154/2010/BB-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2010 để có quyết định dứt khoát về khoản đầu tư này có lợi nhất cho cổ đông và tập đoàn trong vòng 12 tháng.

Công ty đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà tại số A2 đường Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế cảng – kỹ thuật biển theo Hợp đồng mua bán nhà ở số 03150610/TCKT ngày 15 tháng 6 năm 2010. Lợi nhuận thu được từ nghiệp vụ này là 35.064.404.504 VND đã được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

V.H.H
★
H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.5.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

1020
CÔ
ACH N
KIẾN
TI
17

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thiết kế

Chi phí thiết kế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Chi phí sửa chữa tàu

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

4744

NG T
IỂM HƯ
TOÁN
VÀI

HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
31/12/2010 : 18.932 VND/USD

20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.582.889.224	6.056.728.672
Tiền gửi ngân hàng	88.631.079.443	86.077.597.568
Tiền đang chuyển	54.772.891	598.001.084
Các khoản tương đương tiền (*)	168.586.797.052	-
Cộng	261.855.538.610	92.732.327.324

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	759.682.317.096	165.838.461.211
- Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định	12.486.863.545	10.821.993.875
- Công ty cổ phần Tập Đoàn khoáng sản Hamico	20.012.317.380	12.889.011.380
- Công ty cổ phần khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	10.527.958.407	12.632.743.877
- Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	4.946.919.190
- Công ty cổ phần phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam	12.845.983.260	-
- Công ty chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (*)	16.000.000.000	-
- Công ty cổ phần nhựa Rạng Đông	16.300.679.471	9.275.378.908
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	15.293.497.100	19.451.688.390
- Công ty cổ phần vận tải biển Việt Nam	19.800.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt (*)	94.971.030.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	487.500.000.000	-
- Các công ty khác	39.709.666.833	95.820.725.591
Đầu tư ngắn hạn khác	98.315.706.616	4.680.660.294
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống (**)	23.315.706.616	4.680.660.294
Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân hàng vay với lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng HSCB + 0,5%/năm	75.000.000.000	-
Cộng	857.998.023.712	170.519.121.505

(*) Cổ phiếu tạm thời không được phép chuyển nhượng.

(**) Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt là 20.826.000.000 VND được đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh (xem thuyết minh V.24).

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu tăng là do trong năm Công ty mua, nhận cổ phiếu thưởng và trình bày từ đầu tư tài chính dài hạn sang đầu tư tài chính ngắn hạn.
- Cổ phiếu giảm là do trong năm Công ty bán cổ phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	31.896.561.249
Trích lập dự phòng bổ sung	43.348.954.747
Số cuối năm	75.245.515.996

10/01/2011
C
TRÁCH
KIẾ
10/01/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động đại lý tàu biển	3.314.876.327	11.990.812.451
Hoạt động khai thác vận tải	198.750.549.547	122.616.654.035
Dịch vụ cho thuê tài sản	18.003.934.480	71.945.961.735
Dịch vụ khai thác cảng, bãi container và các dịch vụ khác	59.645.298.421	82.072.009.878
Cộng	279.714.658.775	288.625.438.099

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	38.000.000.000	-
Công ty TNHH cảng Phước Long	34.179.996.948	-
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Sài Gòn Xanh	6.848.000.000	-
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế cảng kỹ thuật biển	1.273.160.900	1.273.160.900
Công ty tư vấn xây dựng cảng đường thủy	1.250.000.000	1.250.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.681.462.724	2.441.599.744
Cộng	87.232.620.572	4.964.760.644

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	13.825.077.091	20.314.027.551
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.500.000.000	3.968.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	236.160.669.987	80.318.841.463
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	83.000.000.000	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	49.000.000.000	31.800.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	38.509.465.984	241.626.036
Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M	18.946.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	7.765.231.397	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	57.300.000	14.000.000.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	11.855.467.796	16.169.065.741
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ	13.806.272.000	-
Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	13.220.932.810	14.608.149.686
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.260.618.700	-
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	6.234.829.842	3.540.000
Các khoản phải thu khác	23.622.880.673	28.580.397.622
Grand Atlantic Shipping	8.192.514.219	-
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	2.960.000.000	2.960.000.000
Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.921.351.535	4.925.556.974
Các khoản phải thu khác	7.549.014.919	20.694.840.648
Cộng	292.604.076.293	133.184.806.636

0474

ÔNG
KIỂM
MÁI TÔI
CỦ V

P.H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyên Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	829.059.322	829.059.322

8. Hàng tồn kho

Nhiên liệu tồn trên tàu.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa tàu	4.246.532.992	1.541.527.749
Chi phí bảo hiểm	2.082.876.829	108.947.335
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.230.146.258	652.826.720
Cộng	7.559.556.079	2.303.301.804

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Việt Nam và tại chi nhánh Campuchia.

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	16.205.159.446	14.146.787.783
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.830.070.205	53.820.888.636
Cộng	103.035.229.651	67.967.676.419

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ	-	5.800.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	-
Cộng	37.000.000.000	24.800.000.000

8-C.T.T.
TY
DU HẠN
H VÀ
N
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm trang 48.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được xác định.
- Giá trị quyền sử dụng đất thuê của lô đất tại số 276A Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ.

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	12.659.212.093	11.231.556.573
Tăng trong năm	-	3.964.717.743	
Số cuối năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.704.213.410	9.450.038.457	20.154.251.867
Tăng trong năm	-	301.799.304	301.799.304
Thanh lý, nhượng bán	(3.351.730.000)	-	(3.351.730.000)
Số cuối năm	7.352.483.410	9.751.837.761	17.104.321.171

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- - -

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	-	1.075.451.532	1.075.451.532
Khấu hao trong năm	-	1.093.689.916	1.093.689.916
Số cuối năm	-	2.169.141.448	2.169.141.448

Giá trị còn lại

Số đầu năm	10.704.213.410	8.374.586.925	19.078.800.335
Số cuối năm	7.352.483.410	7.582.696.313	14.935.179.723

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

- - -
- - -

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	630.000.000	27.619.444.051	(18.854.418.140)	9.395.025.911
XDCB dở dang	27.809.647.253	458.614.611	-	28.268.261.864
- Đầu tư quy hoạch khu bắc Rạch Chiếc, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	20.404.054.061	342.601.884	-	20.746.655.945
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091	-	-	2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173	-	-	3.658.444.173
- Các dự án khác	1.052.669.928	116.012.727	-	1.168.682.655
Cộng	28.439.647.253	28.078.058.662	(18.854.418.140)	37.663.287.775

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	278.948.439.795	16.736.906.388	262.211.533.407
Tăng trong năm	500.000.000	11.617.265.234	
Số cuối năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	111.727.417.634	122.358.314.923
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	34.327.579.765	35.318.915.368
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Khai thác cảng biển, kinh doanh vận tải	73,80%	36.900.000.000	66,20%	33.100.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Khai thác bến bãi, dịch vụ giao nhận vận chuyển	100,00%	5.000.000.000	100,00%	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Dịch vụ đại lý	100,00%	15.206.200.000	100,00%	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	Dịch vụ đại lý	100,00%	15.207.300.000	100,00%	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Khai thác cảng biển, kinh doanh vận tải	55,00%	6.600.000.000	55,00%	6.600.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long	Kinh doanh vận tải, khai thác bến bãi	100,00%	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Dịch vụ đại lý	51,00%	1.637.304.000	51,00%	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Hệ thống kho bãi, dịch vụ giao nhận	100,00%	80.000.000.000	100,00%	58.548.611.134
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Xây dựng bến cảng, dịch vụ đại lý	70,00%	67.200.000.000	70,00%	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadept	Khai thác kho bãi	51,00%	72.126.807.812	51,00%	68.972.628.918
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Khai thác bến bãi container, các dịch vụ liên quan xây dựng	50,00%	60.000.000.000	50,00%	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Dịch vụ vận tải, khai thác bến bãi	100,00%	23.924.332.310	100,00%	22.037.477.460
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	Kinh doanh dịch vụ ẩm thực	5,00%	700.000.000	5,00%	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Dịch vụ vận tải	46,00%	27.600.000.000	46,00%	15.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Khai thác kho bãi, dịch vụ vận tải và xây dựng	99,98%	424.383.000.000	-	-
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Dịch vụ vận tải	100,00%	500.000.000	-	-
Cộng			936.984.944.122		469.809.521.512

19. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	42.761.600.000	45,00%	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	9.642.000.000	26,78%	9.642.000.000
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34,00%	1.534.080.000	34,00%	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	29,00%	32.206.940.000	29,00%	32.206.940.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Dịch vụ khai thác cảng	-	-	30,00%	27.596.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	18.264.608.143	40,00%	17.349.092.327

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,02%	23.236.200.000	38,02%	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Dịch vụ kho bãi	49,00%	11.882.010.000	49,00%	11.882.010.000
Công ty TNHH Huynhai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49,00%	2.371.845.000	49,00%	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải	23,00%	86.250.000.000	23,00%	57.800.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25,00%	29.375.000.000	25,00%	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	49,00%	2.319.909.000	49,00%	2.319.909.000
Công ty TNHH Kho lạnh Gemadept – LCL	Dịch vụ kho lạnh	-	-	35,52%	2.781.857.430
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	49.825.280.000	-	-
Cộng			309.669.472.143		260.856.533.757

20. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	348.317.970.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	165.581.032.000
- Các công ty khác	6.303.009.600	151.246.310.000
Đầu tư trái phiếu (trái phiếu thủy lợi)	-	10.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn khác	321.827.175.285	20.035.901.494
- Công ty TNHH vận chuyển hàng công nghệ cao	12.635.901.494	12.635.901.494
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	190.950.000.000	-
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông	32.500.000.000	-
- Dự án cao ốc tại Lào	17.267.090.636	-
- Dự án trồng cao su tại Campuchia	45.198.183.155	-
- Các công ty khác	23.276.000.000	7.400.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	161.600.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hoa Việt, kỳ hạn 13 tháng (*)	23.100.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam, kỳ hạn 13 tháng	138.500.000.000	-
Cộng	686.801.844.885	368.363.871.494

(*) Trong đó, khoản tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tăng là do trong năm Công ty mua cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng và đầu tư góp vốn.
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác giảm là do trong năm bán, chuyển sang đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư vào công ty liên kết.

21. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	36.792.330.200	20.260.415.500
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	21.303.348.530	6.039.181.721
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	11.225.057.453	5.761.837.348
Dự phòng khoản lỗ của đầu tư tài chính dài hạn khác	5.469.404.773	2.005.709.656
Cộng	74.790.140.956	34.067.144.226

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	34.067.144.226
Trích lập dự phòng bổ sung	40.722.996.730
Số cuối năm	74.790.140.956

22. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí thiết kế	6.935.544.242	-	(6.935.544.242)	-
Chi phí sửa chữa tàu	-	10.093.844.640	(1.261.730.580)	8.832.114.060
Lãi thuê tài chính	416.927.012	-	(326.290.719)	90.636.293
Cộng	7.352.471.254	10.093.844.640	(8.523.565.541)	8.922.750.353

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	757.280.000	1.166.165.000
Ký quỹ thuê tàu	37.864.000.000	35.882.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	270.567.120	31.247.120
Cộng	38.891.847.120	37.079.412.120

24. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	63.902.918.144	154.985.144.986
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	18.803.981.842	71.810.659.687
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	5.171.348.302	64.698.683.354
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam)	-	18.475.801.945
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ^(c)	39.927.588.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	230.000.000.000	414.020.578
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	-	51.020.578
- Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	-	363.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ^(d)	230.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.34)	20.720.000.000	43.220.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	22.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	8.720.000.000	8.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.33)	5.624.682.054	5.999.703.133
Cộng	320.247.600.198	204.618.868.697

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tàu biển Stellar Pacific theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112.2/2008/HĐTC-VIBSG ngày 12 tháng 11 năm 2008.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này cam kết chuyển nguồn thu từ hoạt động kinh doanh về ngân hàng tối thiểu bằng 10% doanh thu.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Phnom Penh để đầu tư vào dự án. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hoa Việt.
- (d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam + 6,07%.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	154.985.144.986	754.492.008.257	-	-	(845.574.235.099)	63.902.918.144
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	414.020.578	230.000.000.000	-	-	(414.020.578)	230.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	43.220.000.000	-	20.720.000.000	-	(43.220.000.000)	20.720.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	5.999.703.133	-	5.330.256.747	294.425.307	(5.999.703.133)	5.624.682.054



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

25. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	2.406.101.682	33.102.316.585
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>	-	15.607.818.633
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</i>	305.346.703	3.400.622.789
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>	1.962.065.359	2.021.326.533
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>	33.396.048	1.426.861.681
<i>Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam</i>	-	2.880.429.768
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>	105.293.572	7.269.722.618
<i>Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác</i>	-	495.534.563
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	109.334.130.407	98.189.791.069
Cộng	111.740.232.089	131.292.107.654

26. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động đại lý tàu biển	1.333.062.587	759.660.797
Khách hàng ứng trước cho hoạt động khai thác vận tải	3.207.573.053	4.195.261.405
Khách hàng ứng trước hoạt động khác	-	1.477.927.914
Cộng	4.540.635.640	6.432.850.116

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	17.515.744.702	(17.515.744.702)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	277.974.669	(277.974.669)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	262.103.161	(262.103.161)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.194.670.743	2.644.676.858	(11.000.000.000)	(7.160.652.399)
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung của cơ sở kinh doanh ở nước ngoài</i>	-	2.644.676.858	-	2.644.676.858
Thuế thu nhập cá nhân	386.190.074	5.803.938.579	(5.816.611.937)	373.516.716
Thuế nhà đất	-	98.903.600	(98.903.600)	-
Tiền thuê đất	-	169.076.500	(169.076.500)	-
Các loại thuế khác	2.101.560.924	16.843.172.768	(18.086.099.731)	858.633.961
- Thuế môn bài (*)	(3.000.000)	12.000.000	(9.000.000)	-
- Thuế cước	335.423.194	5.971.417.900	(6.188.679.710)	118.161.384
- Thuế nhà thầu	1.769.137.730	10.859.754.868	(11.888.420.021)	740.472.577
Cộng	3.682.421.741	43.615.590.837	(53.226.514.300)	(5.928.501.722)

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

b. Thuế và các khoản phải nộp phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	1.104.945.464	504.682.709	(828.637.926)	780.990.247
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	2.143.652.038	133.215.923	(2.322.558.828)	(45.690.867)
Các loại thuế khác	-	2.499.024	(2.499.024)	-
Cộng	3.248.597.502	637.898.632	(3.151.196.754)	735.299.380

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá do quy đổi Báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia với số tiền là 106.724.307 VND.

(**) Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá do quy đổi Báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia với số tiền là 72.717.202 VND.

28. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả công nhân viên.

29. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	7.120.776.825	1.548.111.991
Chi phí bốc xếp, lưu kho	5.012.734.633	20.823.026.277
Chi phí nhiên liệu	-	2.902.080.005
Chi phí khác	1.947.787.978	12.283.950.070
Cộng	14.081.299.436	37.557.168.343



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

30. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.387.935.076	1.554.897.428
Kinh phí công đoàn	1.452.001.676	2.806.047.700
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	952.838.144
Cổ tức phải trả	65.246.600	1.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.665.081.440	1.431.343.999
Doanh thu chưa thực hiện	2.785.397.978	4.385.758.257
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	30.744.708.032	14.025.175.147
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	215.336.499.341	136.529.726.322
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	-	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn	10.293.585.975	-
Công ty TNHH cảng Phước Long	-	72.862.346.780
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	33.006.800.644	25.384.133.149
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	820.662.632	3.192.248.182
Gemadept (Malaysia) Ltd.	443.037.766	15.522.107.386
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	160.000.000.000	-
Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	10.772.412.324	19.568.890.825
Các khoản phải trả khác	18.657.408.158	36.750.937.751
Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	6.634.369.558
Các khoản phải trả khác	9.392.729.581	30.116.568.193
Cộng	<u>273.810.520.210</u>	<u>201.218.213.257</u>

31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3.403.132.893
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	16.567.186.627
Chi quỹ trong năm	(13.294.506.185)
Số cuối năm	<u>6.675.813.335</u>

32. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	22.941.117.275	24.531.675.907
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	25.368.880	-
Cộng	<u>22.966.486.155</u>	<u>24.531.675.907</u>

2047

CÔNG
H NHIỆM
ẾM TỐ
TỬ V

TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

33. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	84.997.045.000	201.342.045.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	72.000.000.000	84.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Indovina	-	95.625.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(b)	12.997.045.000	21.717.045.000
Thuê tài chính 80 containers của Seacastle Container Leasing, thời hạn 05 năm	-	5.330.256.747
Trái phiếu chuyển đổi ^(c)	396.787.000.000	-
Cộng	481.784.045.000	206.672.301.747

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để mua tàu biển container Great Pride, thời hạn 04 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(c) Công ty đã phát hành 396.787 trái phiếu chuyển đổi không nhận lãi suất (tương đương 396.787.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá), thời gian chuyển đổi là 12 tháng kể từ ngày phát hành, giá chuyển đổi cổ phiếu Gemadept là 42.000 VND/cổ phiếu nhằm nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải như sau:

- Phát hành 226.687 trái phiếu để hoán đổi 39.980.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty cổ phần dịch vụ Hòa Bình Xanh.
- Phát hành 170.100 trái phiếu để hóa đổi 30.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cổ phiếu Công ty cổ phần Nam Hải cho Công ty TNHH Sông Hằng.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	105.717.045.000	20.720.000.000	60.997.045.000	24.000.000.000
Thuê tài chính	5.624.682.054	5.624.682.054	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	396.787.000.000	-	396.787.000.000	-
Cộng	508.128.727.054	26.344.682.054	457.784.045.000	24.000.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	201.342.045.000	-	(95.625.000.000)	(20.720.000.000)	84.997.045.000
Thuê tài chính	5.330.256.747	-	-	(5.330.256.747)	-
Trái phiếu chuyển đổi	-	396.787.000.000	-	-	396.787.000.000
Cộng	206.672.301.747	396.787.000.000	(95.625.000.000)	(26.050.256.747)	481.784.045.000

48-C/1
TY
HỮU HẠN
N VÀ
N
CHI M

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

34. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	2.908.010.637
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	547.283.314
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(2.908.010.637)
Số cuối năm	<u>547.283.314</u>

35. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	645.650.639
Số trích lập bổ sung	432.080.400
Số đã chi	(645.650.639)
Số cuối năm	<u>432.080.400</u>

36. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm trang 49.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	1.000.000.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	<u>1.000.000.000</u>

Cổ phiếu

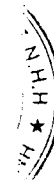
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	47.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	47.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.448.925.671.222	1.339.631.761.259
- Doanh thu dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, sửa chữa, khác	1.264.110.134.727	1.199.537.161.460
- Doanh thu hoạt động đại lý, giao nhận	72.026.300.679	17.736.284.876
- Doanh thu cho thuê văn phòng	112.789.235.816	122.358.314.923
Các khoản giảm trừ doanh thu: (Giảm giá hàng bán)	(1.061.818.182)	-
Cộng	1.447.863.853.040	1.339.631.761.259

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, khai thác cảng, khác	1.226.754.043.642	1.190.431.984.956
Giá vốn dịch vụ đại lý, giao nhận	56.206.749.040	8.250.242.468
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	34.327.579.765	35.318.915.368
Cộng	1.317.288.372.448	1.234.001.142.792

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	891.469.710	2.232.831.630
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	20.749.807.301	543.134.020
Lãi tiền ký quỹ	19.511.754	-
Lãi tiền cho vay	1.062.500.000	-
Lãi công trái, trái phiếu	710.000	137.566.767
Lãi đầu tư chứng khoán	16.547.543.450	69.111.903.392
Lãi góp vốn liên doanh, liên kết	105.194.448.449	8.239.673.858
Cổ tức, lợi nhuận được chia	38.427.508.900	38.861.398.852
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.622.626.575	9.625.514.578
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.912.979.788	35.250.915.765
Doanh thu hoạt động tài chính khác	134.624.557	-
Cộng	223.563.730.484	164.002.938.862

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	66.490.266.342	35.440.526.735
Chi phí lãi thuê tài chính	326.290.641	563.592.924
Lãi repo chứng khoán	6.746.218.114	-
Chi lãi ký quỹ	-	309.370.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.413.035.748	26.834.953.259
Lỗ góp vốn liên doanh	868.345.288	-
Lỗ đầu tư chứng khoán	14.588.777.229	111.714.733.271
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	84.071.951.477	(191.417.966.642)
Chi phí tài chính khác	41.058.264	15.975
Cộng	212.545.943.103	(16.554.774.375)



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	38.506.593.132	33.063.755.252
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	213.685.484	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.547.146	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.908.768.825	8.454.771.614
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.407.438.055	7.625.747.290
Chi phí khác	5.300.053.791	16.694.989.652
Cộng	<u>72.619.086.433</u>	<u>65.839.263.808</u>

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	48.715.904.268	6.485.019.602
Các khoản thu nhập khác	5.345.278.035	4.501.296.636
Cộng	<u>54.061.182.303</u>	<u>10.986.316.238</u>

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	6.160.775.500	5.500.976.184
Giá trị bất động sản đầu tư cao hơn quyết toán	-	164.247.909
Chi phí bổ sung của dự án Cái Mép đã góp vốn năm 2008 vào Công ty cổ phần Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	-	2.284.509.221
Các khoản chi phí khác	989.763.580	2.392.943.857
Cộng	<u>7.150.539.080</u>	<u>10.342.677.171</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.387.027.094	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(1.387.027.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	547.283.314	2.908.010.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.908.010.637)	-
Cộng	<u>(973.700.229)</u>	<u>1.520.983.543</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

AT02C
CÔ
RÁCH NI
KIỂM
TL
V 1 T

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	404.504.486.978	263.709.865.822
Chi phí nhân công	93.274.027.270	80.243.603.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.888.142.495	100.033.089.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	783.079.180.539	808.002.415.869
Chi phí khác	18.030.010.035	50.409.351.410
Cộng	1.390.775.847.316	1.302.398.325.799

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định, xây dựng cơ bản chưa thanh toán	-	5.619.000.164
Góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng bằng tài sản	1.886.854.850	22.037.477.460
Góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông bằng công nợ phải trả	-	29.375.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept bằng công nợ phải trả	1.273.160.900	19.207.246.558
Góp vốn vào Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển Gemadept Vũng Tàu bằng dự án Cái Mép	-	36.052.327.921
Chuyển nợ phải thu Công ty cổ phần Đại Dương thành vốn góp vào Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	3.800.000.000	-
Tăng đầu tư Công ty cổ phần cảng Nam Hải bằng phát hành trái phiếu chuyển đổi	396.787.000.000	-
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cần trừ công nợ phải trả	-	2.957.331.426
Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia bằng cần trừ vào khoản góp vốn đầu tư Công ty cổ phần vận tải du lịch Trường Thọ	6.200.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia chưa thu	15.495.448.542	3.540.000
Chi phí lãi vay chưa thanh toán	7.120.776.825	1.548.111.991
Bán tài sản cố định chưa thu tiền	40.005.000.000	-

7448-
CÔNG TY
TÀI CHÍNH
TOÁN V
VĂN
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.215.860.488	2.107.315.873
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thuế thu nhập cá nhân	547.980.512	331.816.241
Phụ cấp	603.529.416	540.000.000
Cộng	3.367.370.416	2.979.132.114

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cơ quan đại diện vốn Nhà nước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty OOCL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty Sinokor Việt Nam	Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Cho mượn tiền	21.200.000.000	31.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	-	12.085.198
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Lãi góp vốn liên doanh	-	5.754.798.453
Cho vay ngắn hạn	15.446.000.000	3.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Chi hộ	137.870.272.924	35.721.296.262
Mượn tiền	-	1.780.700.000
Chi phí dịch vụ đại lý	46.574.570.595	-
Chi phí vận chuyển	-	4.892.995.107
Thu hộ phải trả	-	106.301.051.070
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Các khoản chi hộ phải thu	314.052.933.940	91.010.777.395
Chi phí dịch vụ	235.148.514.184	117.880.003.986
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	9.323.191.035	-
Thu hộ	4.099.105.828	241.968.589.673
Phải trả tiền vay tại chi nhánh Campuchia	1.893.957.280	-
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội		
Mượn tiền	-	1.000.000.000
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Chuyển tiền cho mượn	107.505.000.000	8.000.000.000
Cho thuê tài sản, thanh lý TSCĐ	44.184.545.455	73.440.000.000
Doanh thu dịch vụ	490.661.636	131.804.377
Chi phí dịch vụ	123.278.614.378	121.237.948.901
Mượn tiền	126.200.000.000	81.000.000.000
Thu hộ phải trả	3.340.006.825	-
Chi hộ	4.832.829.165	25.750.239.041
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	4.687.455	31.867.900
Giá vốn dịch vụ		35.882.339
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Lãi góp vốn đầu tư	40.000.000.000	-
Góp vốn đầu tư	21.451.388.866	33.048.611.134
Chi hộ	1.936.380.961	540.009.688
Doanh thu vận tải	-	1.417.474.256
Chi phí dịch vụ	138.485.706	488.043.540
Phí quản lý	2.465.000.000	-
Các khoản thu hộ phải trả	4.963.818.144	-
Các khoản phải trả khác	14.000.000.000	3.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Mượn tiền	10.293.585.975	-
Góp vốn đầu tư	13.096.746.875	35.562.239.558

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Góp vốn đầu tư	-	19.965.742.500
Xây dựng cơ bản	756.127.401	3.091.475.262
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Góp vốn bằng tài sản	1.886.854.850	22.037.477.460
Chi hộ	213.702.524.884	15.743.146.766
Chi phí vận chuyển	87.727.649.104	37.389.520.338
Mượn tiền	48.500.000.000	34.533.757.000
Thu hộ phải trả	21.166.450.396	
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ		
Góp vốn	12.000.000.000	-
Phải thu tiền cổ tức	9.506.272.000	-
Cho vay	10.500.000.000	-
Mượn tiền	3.500.000.000	-
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Góp vốn đầu tư	-	175.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng, tiền điện	298.682.775	2.960.717.556
Chi phí khác	14.875.000	-
Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương		
Góp vốn	500.000.000	-
Chi phí thành lập	8.222.000	-
Thu hộ phải trả	574.034.850	-
Công ty OOCL Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	177.230.409	-
Chi phí dịch vụ	922.884.136	-
Thu hộ	-	7.163.040.708
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Phải trả tiền góp vốn vào Công ty TNHH kho lạnh Gemadept - LCL	-	1.514.340.000
Thu tiền phí dịch vụ	1.085.271.280	507.841.188
Phí giao nhận, bốc xếp phải trả	-	-
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo		
Góp vốn đầu tư	-	6.849.440.000
Chi phí khác	12.060.000	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Góp vốn đầu tư	-	5.096.000.000
Mượn tiền	3.000.000.000	-
Chi phí vận chuyển	1.070.488.903	13.594.507.766
Tiền bồi thường tổn thất	57.300.000	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Góp vốn đầu tư	915.515.816	3.234.484.184



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Góp vốn hợp tác kinh doanh	-	1.800.000.000
Doanh thu dịch vụ	134.600.165	94.727.309
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam		
Doanh thu thực hiện	1.810.930.977	34.864.159.723
Chi phí dịch vụ	1.268.611.125	998.527.250
Thu hộ	4.584.656.468	-
Chi hộ	-	7.465.173.092
Thuế cước hoàn lại phải trả	-	5.586.464.876
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Góp vốn đầu tư	28.450.000.000	39.200.000.000
Chi phí dịch vụ	267.500.195	-
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông		
Góp vốn đầu tư	-	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	41.997.727	2.684.214.616
Phải trả phí cung cấp dịch vụ	1.739.521.714	79.107.400
Chi hộ	-	46.878.002

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải thu khách hàng	-	80.000.000
Cho mượn tiền	49.000.000.000	31.800.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M		
Cho vay ngắn hạn	18.946.000.000	3.500.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Phải thu khách hàng	23.468.398.265	-
Các khoản chi hộ	-	15.690.987.315
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Phải thu khách hàng	92.148.677.000	-
Các khoản chi hộ	11.855.467.796	66.131.551.396
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải thu khách hàng	142.991.550	71.974.961.735
Ứng trước tiền dịch vụ	47.507.364.653	-
Các khoản cho mượn, chi hộ	38.509.465.984	-
Công ty TNHH ISS - Gemadept		
Phải thu khách hàng	-	24.618.040
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải thu khách hàng	531.386.150	5.030.033.072
Các khoản chi hộ	1.126.454.000	8.594.097

102
CÔ
TÁCH N
KIẾN
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải thu khách hàng	16.217.919.208	7.653.195.172
Các khoản chi hộ	7.765.231.397	890.542.857
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Phải thu khách hàng	-	4.600.000.000
Phải thu khác	3.807.241.273	3.134.257.500
Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ		
Phải thu khác	13.806.272.000	5.800.000.000
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa		
Phải thu khách hàng	2.615.478.789	2.470.117.466
Công ty OOCL Việt Nam		
Phải thu khách hàng	392.583.750	659.414.660
Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng		
Phải thu khác	-	300.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải thu khách hàng	-	1.285.534.093
Phải thu khác	57.300.000	14.000.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khác	1.300.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải thu khách hàng	4.457.122.664	-
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải thu khách hàng	349.243.905	1.567.545.547
Phải thu khác	-	3.229.380
Cộng nợ phải thu	334.004.598.384	238.404.582.330
Công ty Sinokor Việt Nam		
Phải trả người bán	-	95.804.940
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất		
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	820.062.165	-
Gemadept (Malaysia) Ltd.		
Các khoản phải trả khác	-	15.522.107.386
Gemadept (Singapore) Ltd.		
Các khoản thu hộ tàu	1.492.952.962	7.268.303.311
Công ty TNHH cảng Phước Long		
Phải trả phí dịch vụ	13.327.367.705	15.607.818.633
Phải trả khác	-	72.862.346.780
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept		
Phải trả người bán	34.398.000	1.426.861.681
Phải trả khác	845.284.245	7.965.723.232
Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội		
Phải trả khác	1.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept		
Phải trả khác	10.293.585.975	12.572.877.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng		
Phải trả khách hàng		2.021.326.533
Mượn tiền		34.533.757.000
Phải trả phí dịch vụ	1.600.887.668	
Các khoản thu hộ phải trả	33.032.827.827	
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept		
Phải trả người bán tiền thi công	305.346.703	3.400.622.789
Công ty OOCL Việt Nam		
Phải trả phí dịch vụ		8.040.990
Công ty cổ phần cảng Nam Hải		
Phải trả phí dịch vụ	105.293.572	7.712.581.754
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải trả khác		-
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine		
Phải trả khác	-	5.586.464.876
Công ty MBN-GMD Việt Nam		
Các khoản phải trả khác	1.703.880.000	1.514.340.000
Cộng nợ phải trả	64.561.886.822	189.098.976.905

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực vận tải: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Công ty cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Dịch vụ đại lý: Bao gồm dịch vụ đại lý, logistics
- Các bộ phận khác: các lĩnh vực còn lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.264.110.134.727	111.727.417.634	72.026.300.679	-	1.447.863.853.040
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.110.134.727	111.727.417.634	72.026.300.679	-	1.447.863.853.040
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	37.356.091.085	77.399.837.869	15.819.551.638	-	130.575.480.592
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(73.487.474.869)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				57.088.005.723	
Doanh thu hoạt động tài chính				223.563.730.484	
Chi phí tài chính				(212.545.943.103)	
Thu nhập khác				54.061.182.303	
Chi phí khác				(7.150.539.080)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(2.705.175.579)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				973.700.229	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				113.284.960.977	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	39.327.338.408	527.107.272	88.250.060	2.284.104.178	42.226.799.918
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	72.841.762.402	19.105.549.541	2.282.141.448	6.223.710.346	100.453.163.737
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực vận tải	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực dịch vụ đại lý	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.039.931.739.250	290.209.464.302	60.989.997.467	66.516.673.796	1.457.647.874.815
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					3.309.089.121.163
Tổng tài sản					4.766.736.995.978
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	70.680.772.046	26.436.145.176	81.125.082.517	19.431.831.004	197.673.830.744
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					1.058.724.350.562
Tổng nợ phải trả					1.256.398.181.306

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

Trong nước	830.233.324.354
Nước ngoài	617.630.528.686
Cộng	1.447.863.853.040

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận
Trong nước	42.226.799.918	1.846.193.269.303
Nước ngoài	-	279.125.098.765
Cộng	42.226.799.918	2.125.318.368.068

3. Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty phân loại trình bày một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán. Ảnh hưởng của việc thay đổi này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Các khoản phải thu khác	135	157.984.806.636	(24.800.000.000)	133.184.806.636
Phải thu dài hạn khác	218	-	24.800.000.000	24.800.000.000
Người mua trả tiền trước	313	10.818.608.373	(4.385.758.257)	6.432.850.116
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	196.832.455.000	4.385.758.257	201.218.213.257



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

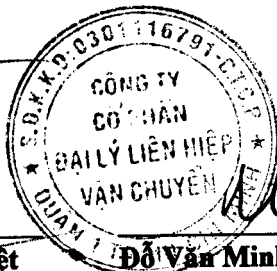
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

2047
ÔNG
NHIỆ
M T
TƯ
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 1: Bảng, giám tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	81.370.179.487	106.806.905.215	922.527.777.361	11.718.469.950	1.122.423.332.013
Tăng trong năm	-	42.884.900	21.931.415.396	648.767.453	22.623.067.749
Mua sắm mới	-	42.884.900	21.906.107.238	648.767.453	22.597.759.591
Tăng khác	-	-	25.308.158	-	25.308.158
Giảm trong năm	(5.011.964.653)	(57.140.200)	(32.273.618.523)	(237.933.425)	(37.580.656.801)
Góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	-	-	(6.798.555.260)	-	(6.798.555.260)
Thanh lý, nhượng bán	(5.011.964.653)	(57.140.200)	(25.475.063.263)	(237.933.425)	(30.782.101.541)
Số cuối năm	76.358.214.834	106.792.649.915	912.185.574.234	12.129.303.978	1.107.465.742.961
Trong đó:	1.405.155.674	18.885.304.602	141.953.969.740	4.762.483.322	167.006.913.338
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	32.163.345.291	70.646.861.069	298.087.089.940	7.330.945.436	408.228.241.736
Số đầu năm	2.541.669.004	7.477.132.796	62.842.350.737	2.407.011.583	75.268.164.120
Tăng trong năm	2.541.669.004	7.477.132.796	62.828.111.920	2.407.011.583	75.253.925.303
Khấu hao trong năm	-	-	14.238.817	-	14.238.817
Tăng khác	(2.712.208.248)	(56.578.294)	(29.978.389.578)	(137.580.331)	(32.884.756.451)
Giảm trong năm	-	-	(4.911.700.410)	-	(4.911.700.410)
Góp vốn vào Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	(2.712.208.248)	(56.578.294)	(25.066.689.168)	(137.580.331)	(27.973.056.041)
Thanh lý, nhượng bán	31.992.806.047	78.067.415.571	330.951.051.099	9.600.376.688	450.611.649.405
Số cuối năm	49.206.834.196	36.160.044.146	624.440.687.421	4.387.524.514	714.195.090.277
Giá trị còn lại	44.365.408.787	28.725.234.344	581.234.523.135	2.528.927.290	656.854.093.556
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Trong đó:	-	-	-	-	-
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 376.311.935.769 VND và 300.574.149.402 VND đã được thể chấp

để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt và Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn

(xem thuyết minh số V.24 và V.33).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT
CƠ PHÂN
ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP
VĂN CHUYỀN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

